

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 - 07 - 2024.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Đình Thanh

Cao Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự: Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H năm 1987; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Ông Ngô Xuân D (Ngô Ngọc D1 sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định) Tại phiên tòa: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông D1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là bà Đoàn Thị H2 trình bày:

Bà và ông Ngô Xuân D (Ngô Ngọc D1 kết hôn vào ngày 26/10/2004 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 01/06/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống và ông D1 nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 18/06/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên bà đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Xuân D2, sinh ngày 21/08/2005 và Ngô Xuân D3, sinh ngày 18/09/2008. Hiện con chung Ngô Xuân D2 đã trưởng thành, tự lập, có khả năng lao động nên bà H3 yêu cầu Toà án giải quyết. Con chung Ngô Xuân D3 đang ở cùng với ông D4 khi ly hôn, bà H4 nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Ngô Xuân D3 và không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Ngô Xuân D2, anh Ngô Xuân D3 (con đẻ của bà H5 ông D1 đều xác nhận gia đình đã nhận được thông báo của Toà án gửi về việc bà Đoàn Thị H2 có đơn xin ly hôn đối với ông Ngô Xuân D(Ngô Ngọc D1 Ông D1 đã biết việc mẹ có đơn xin ly hôn. Tuy nhiên quan điểm cụ thể của ông D1 như thế nào thì các anh không rõ. Theo các anh biết thì quá trình chung sống bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn và có xảy ra đánh nhau nên mẹ anh phải đi làm xa. Các anh vẫn liên lạc với bố D1. Trường hợp Toà án gửi các văn bản liên quan đến việc giải quyết ly hôn của bố mẹ thì anh D2 nhận trách nhiệm gửi và thông báo cho ông D1 sớm nhất.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng bà H và ông D1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đoàn Thị H6

- Xử ly hôn giữa bà Đoàn Thị H2 và ông Ngô Xuân D(N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Xuân D2 sinh ngày 21/08/2005 và Ngô Xuân D3 sinh ngày 18/09/2008. Hiện con chung Ngô Xuân D2 đã trưởng thành, tự lập, có khả năng lao động nên không xem xét. Giao cho bà Đoàn Thị H trách n nuôi dưỡng con chung là Ngô Xuân D3. Việc bà H3 yêu cầu ông D1 cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đoàn Thị H7 ông Ngô Xuân D(Ngô Ngọc D1 kết hôn vào ngày 26/10/2004 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 01/06/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống và ông D1 nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 18/06/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên bà đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và sớm giải quyết ly hôn giữa bà và ông Ngô Xuân D(Ngô Ngọc D1.

Sau khi bà H4 đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập cho ông D1 được biết nhưng ông D1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào đơn đề nghị thu thập chứng cứ của bà H Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại xã T, huyện T – nơi ông D1 đang cư trú. Kết quả xác minh ông D1 hiện vẫn đang cư trú tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng bà H7 ông D1 có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông D1 đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc bà H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà H7 ông D1 có 02 con chung là Ngô Xuân D2 sinh ngày 21/08/2005 và Ngô Xuân D3 sinh ngày 18/09/2008. Hiện con chung Ngô Xuân D2 đã trưởng thành, tự lập, có khả năng lao động nên bà H3 yêu cầu Toà án giải quyết. Con chung Ngô Xuân D3 đang ở cùng với ông D4 khi ly hôn, bà H4 nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Ngô Xuân D3 và không yêu cầu ông D1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông D1 không đến Toà án trình bày quan điểm về yêu cầu ly hôn của bà H6 Để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho bà H trách nhiệm nuôi dưỡng con

chung Ngô Xuân D3sinh ngày 18/09/2008. Việc bà H3 yêu cầu ông D1cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ông D1 có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con, tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa bà Đoàn Thị H2 và ông Ngô Xuân D(N).

2. Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị H8 dưỡng con chung là Ngô Xuân D3sinh ngày 18/09/2008. Chấp nhận việc bà H9 nguyện không yêu cầu ông D1cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại con chung Ngô Xuân D3đang sống cùng ông D5 D1có nghĩa vụ giao con chung của vợ chồng Ngô Xuân D3sinh ngày 18/09/2008 khi Bản án có hiệu lực pháp luật và bà H4 yêu cầu.

Ông D1có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Bà Đoàn Thị H2 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004030 ngày 28/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Trục Khang huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thái Hà